

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 63/2006/QĐ-NHNN

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2006

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (57)**

### THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 1997; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2003;*

*Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng năm 1997; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2004;*

*Căn cứ Luật Các công cụ chuyển nhượng năm 2005;*

*Căn cứ Nghị định số 52/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ,*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết

định này Quy chế chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THÔNG ĐỐC  
PHÓ THÔNG ĐỐC

Nguyễn Đồng Tiến

## QUY CHẾ

### Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng của tổ chức tín dụng đối với khách hàng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 63/2006/QĐ-NHNN ngày 29/12/2006  
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng trên lãnh thổ Việt Nam của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức tín dụng được thành lập, hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và thực hiện nghiệp vụ chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng theo quy định của Luật Các công cụ chuyển nhượng.

2. Khách hàng chiết khấu công cụ chuyển nhượng là người thụ hưởng công cụ chuyển nhượng và có nhu cầu chiết khấu công cụ chuyển nhượng đó tại tổ chức tín dụng, bao gồm: Tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài. Tổ chức quy định tại khoản này bao gồm cả tổ chức tín dụng.

3. Khách hàng tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng là tổ chức tín dụng thụ hưởng công cụ chuyển nhượng và có nhu cầu tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng đó tại tổ chức tín dụng.

#### Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công cụ chuyển nhượng là giấy tờ có giá ghi nhận lệnh thanh toán hoặc cam kết thanh toán không điều kiện một số tiền xác định vào một thời điểm nhất định.

2. Người ký phát là người lập và ký phát hành hối phiếu đòi nợ, séc.

3. Người bị ký phát là người có trách nhiệm thanh toán số tiền ghi trên hối phiếu đòi nợ, séc theo lệnh của người ký phát.

4. Người phát hành là người lập và ký phát hành hối phiếu nhận nợ.

5. Chiết khấu công cụ chuyển nhượng là việc tổ chức tín dụng mua công cụ chuyển nhượng từ người thụ hưởng trước khi đến hạn thanh toán.

6. Tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng là việc tổ chức tín dụng mua lại công cụ chuyển nhượng đã được tổ chức tín dụng khác chiết khấu trước khi đến hạn thanh toán.

7. Chiết khấu, tái chiết khấu toàn bộ thời hạn còn lại của công cụ chuyển

nhượng là việc tổ chức tín dụng mua hẳn công cụ chuyển nhượng theo giá chiết khấu, tái chiết khấu.

8. Chiết khấu, tái chiết khấu có thời hạn là việc tổ chức tín dụng mua công cụ chuyển nhượng theo thời hạn và giá chiết khấu, tái chiết khấu có kèm theo cam kết của khách hàng về việc mua lại công cụ chuyển nhượng đó vào ngày đáo hạn chiết khấu, tái chiết khấu.

9. Giá chiết khấu, tái chiết khấu là số tiền mà tổ chức tín dụng chi trả cho khách hàng khi thực hiện chiết khấu, tái chiết khấu.

10. Thời hạn chiết khấu, tái chiết khấu là khoảng thời gian tính từ ngày công cụ chuyển nhượng được tổ chức tín dụng nhận chiết khấu, tái chiết khấu đến ngày khách hàng có nghĩa vụ thực hiện cam kết mua lại công cụ chuyển nhượng đó.

**Điều 4.** Nguyên tắc chiết khấu, tái chiết khấu

Việc chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng của tổ chức tín dụng đối với khách hàng phải đảm bảo các nguyên tắc sau đây:

1. Thực hiện theo thỏa thuận giữa tổ chức tín dụng với khách hàng, phù hợp với các nguyên tắc chuyển nhượng quy định tại Luật Các công cụ chuyển nhượng và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Tổ chức tín dụng có quyền xem xét, quyết định việc chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng phù hợp với quy định của pháp luật nhằm đảm bảo an toàn và hiệu quả; tổ chức tín dụng tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3. Đối với việc chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng ghi trả bằng ngoại tệ, tổ chức tín dụng và khách hàng thực hiện theo các quy định của pháp luật về ngoại hối.

4. Đối với việc chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng có yếu tố nước ngoài, tổ chức tín dụng và khách hàng thực hiện theo các quy định của Luật Các công cụ chuyển nhượng về áp dụng điều ước quốc tế, tập quán thương mại quốc tế trong quan hệ công cụ chuyển nhượng có yếu tố nước ngoài và quy định của pháp luật về quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài.

5. Việc tái chiết khấu chỉ được thực hiện đối với công cụ chuyển nhượng đã được tổ chức tín dụng khác chiết khấu theo phương thức mua hẳn.

**Điều 5.** Loại công cụ chuyển nhượng được chiết khấu, tái chiết khấu

Tổ chức tín dụng xem xét lựa chọn nhận chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng phát hành ở Việt Nam hoặc phát hành ở nước khác được chuyển nhượng ở Việt Nam, bao gồm:

1. Hối phiếu đòi nợ.
2. Hối phiếu nhận nợ.
3. Séc.

**Điều 6.** Điều kiện được nhận chiết khấu, tái chiết khấu

Công cụ chuyển nhượng được tổ chức tín dụng nhận chiết khấu, tái chiết khấu khi có đủ các điều kiện sau đây:

1. Được phát hành hợp pháp;
2. Thuộc quyền thụ hưởng hợp pháp của khách hàng;
3. Trên công cụ chuyển nhượng không ghi cụm từ “Không được chuyển nhượng”, “Cấm chuyển nhượng”, “Không trả theo lệnh” hoặc cụm từ khác có ý nghĩa tương tự;
4. Còn thời hạn thanh toán.

**Điều 7.** Đồng tiền chiết khấu, tái chiết khấu

1. Đối với công cụ chuyển nhượng ghi trả bằng đồng Việt Nam, thì đồng tiền chiết khấu, tái chiết khấu là đồng Việt Nam.

2. Đối với công cụ chuyển nhượng ghi trả bằng ngoại tệ, các tổ chức tín dụng thực hiện như sau:

- a) Chiết khấu, tái chiết khấu bằng ngoại tệ ghi trả trên công cụ chuyển nhượng đối với khách hàng được phép thu ngoại tệ;
- b) Chiết khấu, tái chiết khấu bằng

đồng Việt Nam đối với khách hàng không được phép thu ngoại tệ và khách hàng được phép thu ngoại tệ nhưng có nhu cầu chiết khấu, tái chiết khấu bằng đồng Việt Nam.

**Điều 8.** Phương thức chiết khấu, tái chiết khấu

Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận và lựa chọn một trong các phương thức chiết khấu, tái chiết khấu sau đây:

1. Chiết khấu, tái chiết khấu toàn bộ thời hạn còn lại của công cụ chuyển nhượng.

2. Chiết khấu, tái chiết khấu có thời hạn. Khi hết thời hạn chiết khấu, tái chiết khấu mà khách hàng không thực hiện việc mua lại công cụ chuyển nhượng, thì tổ chức tín dụng có quyền xuất trình công cụ chuyển nhượng để thanh toán theo quy định của Luật Các công cụ chuyển nhượng.

**Điều 9.** Giá, thời hạn, lãi suất chiết khấu, tái chiết khấu và các chi phí liên quan

1. Giá chiết khấu, tái chiết khấu do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận trên cơ sở giá trị thanh toán của công cụ chuyển nhượng khi đến hạn, lãi suất chiết khấu, tái chiết khấu và thời hạn còn lại của công cụ chuyển nhượng.

2. Thời hạn chiết khấu, tái chiết khấu do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa

thuận, nhưng không vượt quá thời hạn thanh toán còn lại của công cụ chuyển nhượng.

3. Lãi suất chiết khấu, tái chiết khấu và các chi phí khác có liên quan do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận.

**Điều 10.** Mức chiết khấu, tái chiết khấu tối đa đối với một khách hàng

1. Tổ chức tín dụng xem xét quy định mức chiết khấu, tái chiết khấu tối đa đối với các trường hợp sau đây phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động tín dụng:

a) Mức chiết khấu tối đa đối với một khách hàng là tổ chức tín dụng;

b) Mức tái chiết khấu tối đa đối với một khách hàng.

2. Mức chiết khấu tối đa đối với một khách hàng không phải là tổ chức tín dụng bằng 15% vốn tự có của tổ chức tín dụng. Trường hợp chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam thì mức chiết khấu đối với một khách hàng tối đa bằng 15% vốn tự có của ngân hàng mẹ.

**Điều 11.** Thủ tục chiết khấu, tái chiết khấu

1. Khi nhận được đề nghị của khách hàng về việc chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng, tổ chức tín dụng thẩm định các điều kiện và xem

xét, đánh giá khả năng thanh toán của công cụ chuyển nhượng để quyết định việc nhận chiết khấu, tái chiết khấu. Tổ chức tín dụng có thể yêu cầu khách hàng gửi giấy tờ chứng minh công cụ chuyển nhượng có đủ điều kiện chiết khấu, tái chiết khấu theo quy định tại Quy chế này.

2. Khi tổ chức tín dụng chấp nhận đề nghị của khách hàng về việc chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng, khách hàng thực hiện các thủ tục về chuyển nhượng công cụ chuyển nhượng cho tổ chức tín dụng theo quy định của Luật Các công cụ chuyển nhượng.

3. Đối với trường hợp chiết khấu, tái chiết khấu có thời hạn, việc thỏa thuận giữa tổ chức tín dụng và khách hàng về mua bán lại công cụ chuyển nhượng phải được lập thành văn bản phù hợp với quy định của pháp luật về hợp đồng dân sự, Luật Các công cụ chuyển nhượng, Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.

**Điều 12.** Quyền truy đòi của tổ chức tín dụng

Tổ chức tín dụng có quyền truy đòi đối với khách hàng và những người có liên quan về số tiền không được thanh toán đối với công cụ chuyển nhượng, tiền lãi trên số tiền chậm trả kể từ ngày công cụ chuyển nhượng đến hạn thanh toán, chi phí truy đòi và các chi phí hợp lý khác theo quy định của Luật Các

công cụ chuyển nhượng, quy định của pháp luật có liên quan và thỏa thuận của các bên.

**Điều 13.** Phân loại nợ, trích dự phòng và xử lý rủi ro

Tổ chức tín dụng thực hiện việc phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro đối với các khoản chiết khấu, tái chiết khấu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng.

**Điều 14.** Hạch toán kế toán, báo cáo thống kê

Tổ chức tín dụng thực hiện việc hạch toán kế toán, báo cáo thống kê đối với các khoản chiết khấu, tái chiết khấu công

cụ chuyển nhượng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về chế độ hạch toán kế toán và báo cáo thống kê áp dụng đối với các tổ chức tín dụng.

**Điều 15.** Tổ chức thực hiện

Căn cứ Quy chế này và các quy định của pháp luật khác có liên quan, tổ chức tín dụng ban hành quy trình thực hiện nghiệp vụ chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng phù hợp với điều kiện, đặc điểm và điều lệ của mình./.

KT. THỐNG ĐỐC  
PHÓ THỐNG ĐỐC

Nguyễn Đồng Tiến